

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2022

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Triều

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Q Hùng

2. Bà Phạm Thị Kim Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1979.

*Bị đơn:* Ông **Phạm Tấn L**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: số 412A ấp Bình Thành, xã B, thành phố B1, tỉnh B2.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt; ông Phạm Tấn L vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:*

Bà và ông Phạm Tấn L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường 7, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre vào ngày 22/5/2001, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không thể hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông

Phạm Tấn L.

Về con chung: bà và ông L có 01 con chung tên Phạm Tấn Q, sinh ngày 03/4/2003 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà N không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà N có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ ông Phạm Tấn L đến để tiến hành hòa giải nhưng ông L vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện ông Phạm Tấn L yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Tấn L bị đơn cư trú tại thành phố B1, tỉnh B2 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Tấn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Phạm Tấn L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường 7, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre vào ngày 22/5/2001, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà N cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông L để tham gia phiên hòa giải nhưng ông L vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện

của bà N thể hiện ông không muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông L là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[3.2] Về con chung: Bà N và ông L có một con chung là Phạm Tấn Q, sinh ngày 03/4/2003 hiện đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với bị đơn ông Phạm Tấn L, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Phạm Tấn L.

2. Về con chung: Con chung là Phạm Tấn Q, sinh ngày 03/4/2003 hiện đã trưởng thành bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết N khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002664 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Phạm Tấn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND Phường 7, TP Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(Đã ký)*

**Nguyễn Xuân Triều**